

Số: 295/QĐ-UBND

TP. Yên Bái, ngày 17 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án xây dựng xã Văn Phú thành phường Văn Phú  
thuộc thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi 2020 số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060;*

*Căn cứ Quy hoạch phát triển tổng thể Kinh tế xã hội thành phố Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Phòng quản lý đô thị thành phố tại Tờ trình số 19/TTr-QLĐT ngày 26/01/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án xây dựng xã Văn Phú thành phường Văn Phú thuộc thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái”, với những nội dung cụ thể như sau:

**I. TÊN ĐỀ ÁN:** Đề án xây dựng xã Văn Phú thành phường Văn Phú thuộc thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

## **II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN:**

### **1. Mục tiêu chung**

Năm 2022, xã Văn Phú đạt các tiêu chuẩn của phường và đến năm 2023 xét đề nghị công nhận thành lập phường Văn Phú, thành phố Yên Bái.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Năm 2022, xã Văn Phú đạt các tiêu chuẩn sau:

- Quy mô dân số đạt tối thiểu 7.000 người.
- Cân đối thu chi ngân sách: Thu ngân sách đảm bảo đáp ứng các nhu cầu chi và có kết dư.
- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm (2020, 2021, 2022) của xã đạt bình quân của thành phố (đạt 0,71%).
- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật, đạt tối thiểu 25%.
- Mật độ đường cống thoát nước chính đạt 3,5 (km/km<sup>2</sup>).

## **III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn của phường đã đạt một cách bền vững:**

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trạm y tế, trường học, nhà văn hóa và sân thể thao các thôn trên địa bàn xã.
- Bố trí xây dựng trung tâm hành chính phường trên trục đường Âu Cơ.
- Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch trên các tuyến đường liên thôn, liên xã và tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.
- Đào tạo nghề chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ để tổ chức thu gom rác trên địa bàn xã, đảm bảo rác thải sinh hoạt được xử lý đúng quy định.
- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, duy trì các cơ sở sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ
- Thực hiện tốt công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe của người dân, nâng cao chất lượng văn hóa, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- Kiên cố hóa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã.
- Triển khai đầu tư các tuyến đường kết nối với các địa phương khác như các tuyến đường nối từ ngã 5 đường Âu Cơ với Quốc lộ 2D...

### **2. Khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt tiêu chuẩn của phường.**

#### **2.1. Về tăng quy mô dân số.**

- Thu hút, tạo mọi điều kiện cho các nhà đầu tư xây dựng các khu đô thị mới theo quy hoạch như: Khu đô thị giáp đường Âu Cơ (diện tích 33,7ha với 5.000 người), Khu đô thị mới số 05 (diện tích 75ha, dân số 7.500 người), Khu đô

thị mới giáp khu đô thị đường Âu Cơ (diện tích 35ha, dân số 3.500 người) và các trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí khu vực ngã tư Cầu Văn Phú; phát triển chợ quê Văn Phú và các loại hình dịch vụ, giải trí trên tuyến đường Âu Cơ và tuyến đường nối 3 cầu Văn Phú - Tuần Quán - Bách Lãm. Đồng thời tạo điều kiện phát triển các loại hình dịch vụ tại các thôn: Văn Quỳ, Bình Lục, Bình Sơn nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khu công nghiệp và dân cư quanh khu vực, tạo việc làm, tăng dân số cơ học, tăng thu nhập cho người dân.

- Thực hiện các dự án đầu tư phát triển các tuyến đường mới kết hợp với san tạo mặt bằng chuyển đổi một số quỹ đất thành đất dân cư, tổ chức bán đấu giá, hình thành các khu đô thị mới trên tuyến đường Âu Cơ và các tuyến đường mới nhằm thu hút đầu tư và đẩy nhanh tốc độ tăng dân số, tăng thu ngân sách.

- Xây dựng cầu mới nằm giữa cầu Tuần Quán và cầu Văn Phú (cầu Giới Phiên) tạo điều kiện đi lại thuận lợi, thu hút các nhà đầu tư và người dân đến đầu tư, sinh sống và làm việc tại xã.

## **2.2. Về thu ngân sách.**

- Khai thác đầy đủ và hiệu quả các nguồn thu ở xã: Thuế, phí và lệ phí, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê nhà, thu khác ngân sách: thu phạt vi phạm trật tự, an toàn giao thông; phạt vi phạm hành chính; thu cố định tại xã.

- Tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân có nhu cầu làm thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất; tiếp tục rà soát, vận động người dân hợp pháp hóa các quỹ đất dôi dư; phát triển các quỹ đất dân cư mới trên trục đường Âu Cơ và các tuyến đường mới.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh trên các trục đường chính của xã.

- Rà soát đưa các hộ kinh doanh mới phát sinh vào quản lý, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, thông báo các hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, tăng cường kiểm tra đối với các hộ có hoạt động xây dựng trên địa bàn xã.

- Làm tốt công tác vận động doanh nghiệp nộp tiền thuê đất đúng thời hạn.

- Phối hợp với các tổ chức đôn đốc, kiểm tra việc kê khai và nộp thuế của các hộ kinh doanh trên địa bàn.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý xử phạt đối với các hộ vi phạm nghĩa vụ thuế.

- Kiện toàn tổ chống thất thu ngân sách xã để đôn đốc thu và xử lý nợ đọng thuế trên địa bàn, nhất là thuế nợ các năm trước.

## **2.3. Về giảm tỷ lệ hộ nghèo**

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo và danh sách dự kiến thoát nghèo chi tiết hàng năm, đánh giá thực trạng và nhu cầu của từng hộ để xây dựng phương án giúp đỡ thoát nghèo phù hợp. Đồng thời giao cho các cán bộ, đảng viên trực tiếp theo dõi, giúp đỡ từng hộ nghèo; thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống, phát triển sản xuất của các hộ nghèo để kịp thời hỗ trợ khi cần thiết. Dự kiến năm 2022, tỷ lệ

trung bình hộ nghèo 03 năm (2020, 2021, 2022) của xã là 0,71% đạt bình quân của thành phố (0,71%).

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo; có hình thức khen thưởng, động viên kịp thời đối với các hộ nghèo tự nguyện thoát nghèo tiêu biểu.

- Thực hiện nhóm chính sách hỗ trợ vay vốn giúp hộ nghèo tiếp cận hiệu quả các nguồn vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển sinh kế, hướng dẫn cách làm ăn gắn với thế mạnh, tiềm năng của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt Đề án hỗ trợ hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có khả năng thoát nghèo của thành phố giai đoạn 2021 – 2025.

- Vận động hộ nghèo tham gia học nghề gắn với giới thiệu việc làm, khuyến khích hộ nghèo tham gia xuất khẩu lao động, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

- Tăng cường công tác vận động xã hội hóa từ các tổ chức chính trị - xã hội, các nhà hảo tâm hỗ trợ cải thiện các tiêu chí thiếu hụt của hộ nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin giúp đời sống của người dân từng bước được nâng lên, thoát nghèo bền vững.

#### ***2.4. Về xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên các tuyến đường chính.***

- Triển khai lắp đặt, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến đường chính của xã (14 tuyến đường với chiều dài 15,13 km) bằng nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa.

#### ***2.5. Về xử lý nước thải đô thị.***

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống công thu gom nước thải đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Tuyên truyền, vận động người dân xây dựng hệ thống công thu gom nước thải sinh hoạt, xử lý qua bể tự hoại trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước bên ngoài, đảm bảo tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt 25%.

#### ***2.6. Về mật độ đường cống thoát nước chính***

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường cống thoát nước trên các tuyến đường chính của xã (18 tuyến đường với chiều dài 38,6 km) bằng nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa.

### **IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:**

#### **1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: Dự kiến 37,8 tỷ đồng.**

Trong đó:

- Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng: 6,12 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường cống thoát nước chính: 31,68 tỷ đồng.

## 2. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

- Từ ngân sách thành phố: 14,35 tỷ đồng.
- Từ các nguồn vốn hợp pháp khác: 23,45 tỷ đồng.

## V. HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

Sau khi xây dựng hoàn thành xã Văn Phú lên phường, bộ mặt đô thị của phường sẽ có nhiều đổi thay, hạ tầng đô thị phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, chất lượng đô thị được cải thiện theo hướng văn minh, xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường; kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng kinh tế đô thị, đạt tốc độ phát triển nhanh, bền vững; nguồn thu ngân sách trên địa bàn phường được tăng cao, đủ sức đáp ứng yêu cầu chi cho hoạt động của bộ máy và đầu tư trở lại cho nhu cầu phát triển tại địa phương; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Văn Phú trở thành phường phát triển nhanh, bền vững, đóng góp tích cực để xây dựng thành phố Yên Bái trở thành đô thị văn minh, sinh thái, theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”, là một trong các đô thị động lực của khu vực các tỉnh Tây Bắc.

(Có Đề án kèm theo)

**Điều 2.** Giao phòng Quản lý đô thị thành phố chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân xã Văn Phú tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền thành phố; Thủ trưởng các cơ quan: Quản lý đô thị, Tổ chức - Nội vụ, Tài chính - Kế hoạch, Văn hóa - Thông tin, Kinh tế, Tài nguyên và Môi trường; Lao động - Thương binh và xã hội; Truyền thông và Văn hóa thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Văn Phú và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái;
- Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái;
- Sở Nội vụ tỉnh Yên Bái;
- Thường trực Thành ủy Yên Bái;
- Q. Chủ tịch, PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN TP và các Đoàn thể CT TP;
- Lưu: VT, Phòng QLĐT

TM. UBND THÀNH PHỐ  
Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Trúc

**ĐỀ ÁN**  
**XÂY DỰNG XÃ VĂN PHÚ THÀNH PHƯỜNG VĂN PHÚ**  
**THUỘC THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 17/02/2021  
của Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái)

**Phần thứ nhất**  
**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:**

**1. Sự cần thiết**

Việc xây dựng xã Văn Phú lên phường Văn Phú là hết sức cần thiết để mở rộng khu vực nội thành của thành phố Yên Bái theo Quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060; đồng thời đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, xây dựng hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, thiết thực nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân xã Văn Phú nói riêng và người dân thành phố Yên Bái nói chung; góp phần xây dựng thành phố sớm trở thành đô thị loại II trong giai đoạn 2021-2025, đến năm 2030 cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại I, theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc, xứng tầm là đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**2. Tên gọi của Đề án: “Xây dựng xã Văn Phú thành phường Văn Phú thuộc thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái”.**

**3. Phạm vi của Đề án:** Đề án được triển khai trên địa bàn xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi 2020 số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;

Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa XX nhiệm kỳ 2020-2025;

Quy hoạch phát triển tổng thể Kinh tế xã hội thành phố Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Các văn bản khác có liên quan.

## **Phần thứ hai**

### **ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA XÃ VĂN PHÚ SO VỚI TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG**

#### **I. HIỆN TRẠNG CỦA XÃ VĂN PHÚ**

##### **1. Vị trí địa lý**

- Nằm cách trung tâm thành phố Yên Bái khoảng 5 km về phía Nam:

+ Phía Bắc giáp xã Tân Thịnh;

+ Phía Nam giáp tỉnh Phú Thọ và sông Hồng;

+ Phía Tây giáp phường Yên Ninh và xã Giới Phiên;

+ Phía Đông giáp huyện Yên Bình.

##### **2. Điều kiện tự nhiên, dân số và lao động**

- Xã Văn Phú là địa bàn có diện tích đất tự nhiên rộng 1373,55 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp: 793,9 ha; Đất phi nông nghiệp: 568,49 ha; Đất chưa sử dụng: 11,16 ha.

- Xã Văn Phú có 8 thôn gồm: Tuy Lộc, Văn Liên, Tiên Phú, Văn Quý, Bình Lục, Bình Sơn, Lưỡng Sơn, Ngòi Sen.

- Dân số và lao động:

+ Dân số tính đến thời điểm hiện tại là 5.398 người, có 7 dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm 98%, các dân tộc khác chiếm 2%.

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 80,1%. Lao động nông nghiệp: 19,9%.

##### **3. Hiện trạng phát triển kinh tế**

- Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng: Trên địa bàn xã hiện có 72 hộ sản xuất công nghiệp chủ yếu là sản xuất, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, làm mộc, xưởng làm nhôm kính, kim loại; sản xuất gạch không nung, bê tông đúc sẵn, may mặc..., đã tạo việc làm với mức thu nhập ổn định cho lao động trên địa bàn.

- Về thương mại - dịch vụ: Xã Văn Phú có 01 chợ, 233 hộ kinh doanh dịch vụ chủ yếu về dịch vụ lưu trú, dịch vụ sửa chữa xe máy, nhà hàng ăn uống, dịch vụ giải trí, diêm truy cập Internet, các cửa hàng buôn, bán đồ gia dụng, lương thực thực phẩm, bán hàng thời trang... đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân trong xã và các xã lân cận. Trên địa bàn xã có Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn đáp ứng nhu cầu để phát triển sản xuất và đời sống.

- Về nông nghiệp - lâm nghiệp và thủy sản: Xã có 20% lao động nông nghiệp, diện tích đất cây lúa nước tương đối rộng. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp thu từ nguồn lương thực, sản xuất rau, trồng rừng; chủ yếu thu từ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản mang lại.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 39,33 triệu đồng/người/năm.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã kết hợp với nguồn bổ sung từ ngân sách cấp trên đã đáp ứng yêu cầu chi cho hoạt động của bộ máy và hệ thống chính trị, cũng như thực hiện chính sách an sinh - xã hội.

#### **4. Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị**

##### **4.1. Công trình hạ tầng xã hội:**

- Nhà ở: Toàn xã có 1.251 nhà xây dựng kiên cố đồ mái bằng hoặc lợp tôn, fibroxi măng, đạt 80,97%.

- Giáo dục và đào tạo: Có 03 trường học, gồm:

+ Trường Mầm non Văn Phú (02 điểm trường): Diện tích rộng 4458,2 m<sup>2</sup> bao gồm nhà làm việc của Ban giám hiệu; 11 phòng học; 02 bếp nấu ăn cho học sinh mầm non.

+ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Văn Phú (03 điểm trường): Diện tích rộng 17.394m<sup>2</sup>, gồm nhà làm việc của Ban giám hiệu; 28 phòng học và 11 phòng chức năng theo tiêu chuẩn trường Chuẩn quốc gia; 02 bếp nấu ăn cho học sinh tiểu học.

+ Trường Cao Đẳng nghề có đủ phòng học, phòng chức năng đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động dạy học.

- Y tế: Có 01 Trạm y tế xã, diện tích 506,9m<sup>2</sup>, quy mô 5 giường bệnh, hàng năm thực hiện khám bệnh cho 3000 lượt người. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,3%.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển cả về số lượng và chất lượng; công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân trên địa bàn, công tác phòng chống dịch bệnh ngày càng được quan tâm.

- Công trình phúc lợi công cộng khác: Xã có 01 nhà văn hóa đa năng và sân thể thao chung. Ngoài ra các hoạt động thể thao còn được tổ chức tại sân thể thao của nhà văn hóa các thôn. Xã có 01 đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ đặt tại thôn Bình Lục. Hiện có 01 thôn xây dựng nhà truyền thống của thôn bằng nguồn vốn xã hội



hóa. 100% số thôn có nhà văn hóa với diện tích từ 90 đến 120 m<sup>2</sup>/nhà, 8/8 thôn có sân thể thao cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của nhân dân.

#### **4.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật:**

- Giao thông: Đường Âu Cơ dài 2,5 km, đường Yên Bái – Văn Tiên dài gần 5,4 km và quốc lộ 2D qua địa bàn xã đã được đầu tư nâng cấp có hệ thống điện chiếu sáng (do ngân sách đảm bảo).

+ Đường trục xã, liên xã: 100% tuyến đường trục xã, liên xã được bê tông hóa đạt chuẩn.

+ Đường trục thôn, liên thôn: 23,6/24,1 km đường trục thôn, xóm được kiên cố hóa đạt 97,92%

+ Đường nội đồng kết hợp dân sinh: có 9,9/10 km đường nội đồng đã được cứng hóa đạt 98%.

+ Trên địa bàn xã đã có một số đường thôn lắp đặt điện thấp sáng đường quê được đầu tư từ nguồn xã hội hóa.

- Hệ thống điện, thông tin liên lạc:

+ Cấp điện: Điện lưới đã được cấp đến 8/8 thôn, 100% hộ gia đình trong xã. Trên địa bàn xã có 09 trạm biến áp phân bố tương đối đều ở 08 thôn để cung cấp đủ nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất nhỏ.

+ Xã có 01 điểm bưu điện văn hóa.

+ 100% hộ dân có điện thoại, chủ yếu là điện thoại di động cá nhân.

+ 100% hộ dân có phương tiện nghe nhìn.

+ Xã đã được phủ sóng mạng di động, cố định của các nhà mạng: Vinaphone; Viettel; Mobiphone để truy cập Internet.

+ Xã có hệ thống loa truyền thanh và triển khai đến các thôn.

- Hệ thống cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: Hệ thống đường ống dẫn nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái lắp đặt dọc theo tuyến đường tỉnh lộ 168 (đường Yên Bái – Văn Tiên), đoạn chạy qua địa bàn xã Văn Phú đủ điều kiện đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, đa số nhân dân sử dụng nguồn nước ăn, nước sinh hoạt từ giếng đào, giếng khoan được bảo vệ, đảm bảo cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 100% dân số trong xã, đạt mức bình quân 130 lít/người/ngày đêm.

+ Hệ thống thoát nước và xử lý rác thải: Hệ thống thoát nước thải từ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân được xử lý đảm bảo hợp vệ sinh và môi trường. Các hộ chăn nuôi dự án đều có hệ thống hầm bi-ô-ga. Hệ thống thoát nước dọc theo trục đường giao thông liên xã và liên thôn. Rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã được tập trung tại các điểm thu gom để đưa vào nhà máy xử lý rác Nam Thành tại thôn Ngòi Sen.

Cơ sở hạ tầng về điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế được đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng. Số ít còn lại các tuyến đường giao

thông nông thôn của các thôn chưa được kiên cố đã được lập quy hoạch để đầu tư xây dựng hoàn thiện trong thời gian tới.

- Kiến trúc cảnh quan: Trụ sở UBND xã đặt tại thôn Văn Liên - trung tâm của xã, tập trung các cơ quan, trường học, trạm công an xã... Phía sau trụ sở có hồ Sen với không gian thoáng mát, vừa là hồ cung cấp nước cho thủy lợi, vừa phát triển dịch vụ câu cá. Khu trung tâm của xã có đường tỉnh lộ 168 chạy qua; gần trục đường Âu Cơ nên thuận tiện cho việc tham gia giao thông và phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn. Các công trình hạ tầng của xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Yên Bái.

### **5. Đánh giá chung về thực trạng phát triển của xã Văn Phú**

- **Ưu điểm:** Hiện nay xã Văn Phú đã đạt 11/17 tiêu chuẩn của phường, có hệ thống giao thông thuận lợi, liền kề với trung tâm tỉnh Yên Bái, có nguồn lao động phong phú, trình độ dân trí ngày càng cao và tương đối đồng đều nên có nhiều thuận lợi cho sự phát triển về kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của xã, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của thành phố và của tỉnh.

- **Về tồn tại, hạn chế:** Bên cạnh kết quả đạt được, xã Văn Phú vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là:

+ Hiện nay xã còn 6/17 tiêu chuẩn chưa đạt phường gồm: (1) quy mô dân số; (2) cân đối thu chi ngân sách; (3) tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất; (4) tỷ lệ tuyến phố chính được chiếu sáng; (5) mật độ đường cống thoát nước chính; (6) tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật.

+ Kinh tế phát triển chưa bền vững, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương; sản xuất nông nghiệp còn manh mún nhỏ lẻ, chủ yếu vẫn là kinh tế hộ gia đình, chưa có nhiều sản phẩm chủ lực, hàng hoá chưa có sức cạnh tranh, sản xuất theo chuỗi giá trị (Dự án sản xuất rau an toàn và dự án phát triển cây Chanh tứ thời) hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm còn hạn chế chưa tạo dựng được thương hiệu cho các sản phẩm, khâu liên kết tiêu thụ sản phẩm chưa mạnh.

+ Cơ sở hạ tầng như điện chiếu sáng, hệ thống cống thoát nước, xử lý nước thải...chưa được đầu tư đồng bộ, chưa đủ sức hỗ trợ mạnh cho người dân, doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh.

## **II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ VĂN PHÚ SO VỚI TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG**

### **1. Phương pháp đánh giá theo tiêu chuẩn thành lập phường**

Trên cơ sở hiện trạng của xã Văn Phú và rà soát các tiêu chuẩn theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Để thành lập phường thì phải đạt các tiêu chuẩn của phường theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13.

**Biểu 1: Tổng hợp đánh giá hiện trạng của xã Văn Phú  
so với tiêu chuẩn thành lập phường**

STT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn quy định của phường theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13	Hiện trạng	Đánh giá	Ghi chú
1	Quy mô dân số (người)	7.000	5.398	<b>Không đạt</b>	
2	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	5,5	13,73	Đạt	
3	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Thiếu	<b>Không đạt</b>	
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố	6,62%	<b>Không đạt</b>	Tỷ lệ của thành phố là 1,73%
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	80 %	80,1%	Đạt	
4	<b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>				
4.1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở (m <sup>2</sup> /người)	≥2,7	4,05	Đạt	
4.2	Trạm y tế (≥ 500m <sup>2</sup> /trạm) (trạm/5.000 người)	≥ 1	1	Đạt	
4.3	Sân tập luyện (≥ 3.000m <sup>2</sup> ) (m <sup>2</sup> /người)	≥ 0,5	7,42	Đạt	
4.4	Chợ hoặc siêu thị (công trình)	≥1	1	Đạt	
4.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng (m <sup>2</sup> /người)	≥2	7,74	Đạt	
4.6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số (m <sup>2</sup> /người)	≥9	137,7	Đạt	
4.7	Cấp điện sinh hoạt (kwh/người/năm)	≥500	550	Đạt	
4.8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	≥95	32,88	<b>Không đạt</b>	
4.9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%)	≥ 95	100	Đạt	
4.10	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km <sup>2</sup> )	≥ 3,5	0,7	<b>Không đạt</b>	
4.11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥ 25	0	<b>Không đạt</b>	
4.12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	≥ 80	80	Đạt	

## 2. Đánh giá hiện trạng xã Văn Phú so với tiêu chuẩn thành lập phường.

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, UBND thành phố đã tiến hành rà soát các tiêu chuẩn thành lập phường Văn Phú.

Qua kết quả rà soát tổng số có 17 tiêu chuẩn thì xã Văn Phú đạt được 11 tiêu chuẩn, còn 06 tiêu chuẩn chưa đạt, gồm các tiêu chuẩn sau:

1. Quy mô dân số (người): Theo quy định, tiêu chuẩn quy mô dân số đạt tối thiểu là 7.000 người, tuy nhiên quy mô dân số hiện nay của xã mới đạt 5.398 người, còn thiếu 1.602 người.

2. Cân đối thu chi ngân sách: Theo quy định, tiêu chuẩn cân đối thu chi ngân sách phải đủ, tuy nhiên hiện nay thu ngân sách của xã đạt 3,4 tỷ đồng, chi ngân sách 4,6 tỷ đồng, cân đối thu chi ngân sách thiếu 1,2 tỷ đồng.

3. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%): Theo quy định, tiêu chuẩn tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất đạt bình quân của thành phố. Tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo của xã năm 2018 là 12,4% (90 hộ), năm 2019 là 5,65% (45 hộ), năm 2020 là 1,8% (27 hộ), trung bình 3 năm (2018, 2019, 2020) là 6,62% không đạt bình quân của thành phố là 1,73% (năm 2018 là 2,69%, năm 2019 là 1,62%, năm 2020 là 0,89%)

4. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%): Theo quy định, tiêu chuẩn tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng phải đạt 95%, tuy nhiên hiện nay trên địa bàn xã mới có 7,930km/24,120km đường phố chính được chiếu sáng, đạt 32,88%, còn thiếu 15km chưa được chiếu sáng (chiếm tỷ lệ 62,12%)

5. Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km<sup>2</sup>): Theo quy định tiêu chuẩn mật độ đường cống thoát nước chính phải đạt 3,5 km/km<sup>2</sup>, tuy nhiên hiện nay mật độ đường cống thoát nước chính trên địa bàn xã đạt  $9,57\text{km}/13,73\text{km}^2 = 0,7 \text{ km/km}^2$ , còn thiếu 2,8 km/km<sup>2</sup> (tương ứng với 38,5km đường cống thoát nước)

6. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: Theo quy định tiêu chuẩn tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt 25%, tuy nhiên hiện nay tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý trên địa bàn xã đạt 0%.

### III. DỰ BÁO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ VĂN PHÚ SO VỚI TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẾN NĂM 2022

Dự báo đến năm 2022, xã Văn Phú đạt các tiêu chuẩn của phường.

**Biểu 2: Dự báo đánh giá sự phát triển của xã Văn Phú so với tiêu chuẩn thành lập phường đến năm 2022**

STT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn quy định của phường theo Nghị quyết 1211/2016/U BTVQH13	Năm 2022		Ghi chú
			Dự báo	Đánh giá	
1	Quy mô dân số (người)	7.000	7.000	Đạt	
2	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	5,5	13,73	Đạt	

STT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn quy định của phường theo Nghị quyết 1211/2016/U BTVQH13	Năm 2022		Ghi chú
			Dự báo	Đánh giá	
<b>3</b>	<b>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Dư	Đạt	
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố	0,71 %	Đạt	Tỷ lệ TP: 0,71%
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	80 %	81,7	Đạt	
<b>4</b>	<b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>				
4.1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở (m <sup>2</sup> /người)	≥2,7	3,9	Đạt	
4.2	Trạm y tế (≥ 500m <sup>2</sup> /trạm) (trạm/5.000 người)	≥ 1	1	Đạt	
4.3	Sân tập luyện (≥ 3.000m <sup>2</sup> ) (m <sup>2</sup> /người)	≥ 0,5	7,3	Đạt	
4.4	Chợ hoặc siêu thị (công trình)	≥1	1	Đạt	
4.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng (m <sup>2</sup> /người)	≥2	7,46	Đạt	
4.6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số (m <sup>2</sup> / người)	≥9	155,12	Đạt	
4.7	Cấp điện sinh hoạt (kwh/người/năm)	≥500	600	Đạt	
4.8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	≥95	100%	Đạt	
4.9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%)	≥ 95	100	Đạt	
4.10	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km <sup>2</sup> )	≥ 3,5	3,6	Đạt	
4.11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥ 25	25%	Đạt	
4.12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	≥ 80	85	Đạt	

### Phần thứ ba MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

#### I. QUAN ĐIỂM

Xây dựng xã Văn Phú thành Phường Văn Phú phải được đặt trong định hướng phát triển thành phố Yên Bái giai đoạn 2021-2030, quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn 2060;

Sau khi xây dựng hoàn thành xã Văn Phú lên phường, bộ mặt đô thị sẽ có nhiều đổi thay, hạ tầng đô thị phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại; Văn Phú sẽ đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, đạt tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng kinh tế đô thị. Nguồn thu ngân sách

trên địa bàn phường được tăng cao, đủ sức đáp ứng yêu cầu chi cho hoạt động của bộ máy, thiết thực nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đồng thời đầu tư trở lại cho nhu cầu phát triển tại địa phương.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung:**

Năm 2022, xã Văn Phú đạt các tiêu chuẩn của phường và đến năm 2023 xét đề nghị công nhận thành lập phường Văn Phú, thành phố Yên Bái.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

Năm 2022, xã Văn Phú đạt các tiêu chuẩn sau:

- Quy mô dân số đạt tối thiểu 7.000 người.
- Cân đối thu chi ngân sách: Thu ngân sách đảm bảo đáp ứng các nhu cầu chi và có kết dư.
- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm (2020, 2021, 2022) của xã đạt bình quân của thành phố (đạt 0,71%).
- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật, đạt tối thiểu 25%.
- Mật độ đường cống thoát nước chính đạt 3,5 (km/km<sup>2</sup>)

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn của phường đã đạt một cách bền vững:**

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trạm y tế, trường học, nhà văn hóa và sân thể thao các thôn trên địa bàn xã.
- Bố trí xây dựng trung tâm hành chính phường trên trục đường Âu Cơ.
- Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch trên các tuyến đường liên thôn, liên xã và tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.
- Đào tạo nghề chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ để tổ chức thu gom rác trên địa bàn xã, đảm bảo rác thải sinh hoạt được xử lý đúng quy định.
- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, duy trì các cơ sở sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ
- Thực hiện tốt công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe của người dân, nâng cao chất lượng văn hóa, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- Kiên cố hóa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã.
- Triển khai đầu tư các tuyến đường kết nối với các địa phương khác như các tuyến đường nối từ ngã 5 đường Âu Cơ với Quốc lộ 2D...

## **2. Khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt tiêu chuẩn của phường.**

### **2.1. Về tăng quy mô dân số.**

- Thu hút, tạo mọi điều kiện cho các nhà đầu tư xây dựng các khu đô thị mới theo quy hoạch như: Khu đô thị giáp đường Âu Cơ (diện tích 33,7ha với 5.000 người), Khu đô thị mới số 05 (diện tích 75ha, dân số 7.500 người), Khu đô thị mới giáp khu đô thị đường Âu Cơ (diện tích 35ha, dân số 3.500 người) và các trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí khu vực ngã tư Cầu Văn Phú; phát triển chợ quê Văn Phú và các loại hình dịch vụ, giải trí trên tuyến đường Âu Cơ và tuyến đường nối 3 cầu Văn Phú - Tuần Quán - Bách Lãm. Đồng thời tạo điều kiện phát triển các loại hình dịch vụ tại các thôn: Văn Quỳ, Bình Lục, Bình Sơn nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khu công nghiệp và dân cư quanh khu vực, tạo việc làm, tăng dân số cơ học, tăng thu nhập cho người dân.

- Thực hiện các dự án đầu tư phát triển các tuyến đường mới kết hợp với san tạo mặt bằng chuyển đổi một số quỹ đất thành đất dân cư, tổ chức bán đấu giá, hình thành các khu đô thị mới trên tuyến đường Âu Cơ và các tuyến đường mới nhằm thu hút đầu tư và đẩy nhanh tốc độ tăng dân số, tăng thu ngân sách.

- Xây dựng cầu mới nằm giữa cầu Tuần Quán và cầu Văn Phú (cầu Giới Phiên) tạo điều kiện đi lại thuận lợi, thu hút các nhà đầu tư và người dân đến đầu tư, sinh sống và làm việc tại xã.

### **2.2. Về thu ngân sách.**

- Khai thác đầy đủ và hiệu quả các nguồn thu ở xã: Thuế, phí và lệ phí, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê nhà, thu khác ngân sách: thu phạt vi phạm trật tự, an toàn giao thông; phạt vi phạm hành chính; thu cố định tại xã.

- Tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân có nhu cầu làm thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất; tiếp tục rà soát, vận động người dân hợp pháp hóa các quỹ đất dôi dư; phát triển các quỹ đất dân cư mới trên trục đường Âu Cơ và các tuyến đường mới.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh trên các trục đường chính của xã.

- Rà soát đưa các hộ kinh doanh mới phát sinh vào quản lý, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, thông báo các hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, tăng cường kiểm tra đối với các hộ có hoạt động xây dựng trên địa bàn xã.

- Làm tốt công tác vận động doanh nghiệp nộp tiền thuê đất đúng thời hạn.

- Phối hợp với các tổ chức đơn đốc, kiểm tra việc kê khai và nộp thuế của các hộ kinh doanh trên địa bàn.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý xử phạt đối với các hộ vi phạm nghĩa vụ thuế.

- Kiện toàn tổ chống thất thu ngân sách xã để đơn đốc thu và xử lý nợ đọng thuế trên địa bàn, nhất là thuế nợ các năm trước.

### **2.3. Về giảm tỷ lệ hộ nghèo**

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo và danh sách dự kiến thoát nghèo chi tiết hàng năm, đánh giá thực trạng và nhu cầu của từng hộ để xây dựng phương án giúp

đỡ thoát nghèo phù hợp. Đồng thời giao cho các cán bộ, đảng viên trực tiếp theo dõi, giúp đỡ từng hộ nghèo; thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống, phát triển sản xuất của các hộ nghèo để kịp thời hỗ trợ khi cần thiết. Dự kiến năm 2022, tỷ lệ trung bình hộ nghèo 03 năm (2020, 2021, 2022) của xã là 0,71% đạt bình quân của thành phố (0,71%)

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo; có hình thức khen thưởng, động viên kịp thời đối với các hộ nghèo tự nguyện thoát nghèo tiêu biểu.

- Thực hiện nhóm chính sách hỗ trợ vay vốn giúp hộ nghèo tiếp cận hiệu quả các nguồn vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển sinh kế, hướng dẫn cách làm ăn gắn với thế mạnh, tiềm năng của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt Đề án hỗ trợ hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có khả năng thoát nghèo của thành phố giai đoạn 2021 – 2025.

- Vận động hộ nghèo tham gia học nghề gắn với giới thiệu việc làm, khuyến khích hộ nghèo tham gia xuất khẩu lao động, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

- Tăng cường công tác vận động xã hội hóa từ các tổ chức chính trị - xã hội, các nhà hảo tâm hỗ trợ cải thiện các tiêu chí thiếu hụt của hộ nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin giúp đời sống của người dân từng bước được nâng lên, thoát nghèo bền vững.

#### ***2.4. Về xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên các tuyến đường chính.***

- Triển khai lắp đặt, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến đường chính của xã (14 tuyến đường với chiều dài 15,13 km) bằng nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa (có phụ biểu chi tiết kèm theo).

#### ***2.5. Về xử lý nước thải đô thị.***

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống công thu gom nước thải đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Tuyên truyền, vận động người dân xây dựng hệ thống công thu gom nước thải sinh hoạt, xử lý qua bể tự hoại trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước bên ngoài, đảm bảo tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt 25%

#### ***2.6. Về mật độ đường công thoát nước chính***

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường công thoát nước trên các tuyến đường chính của xã (18 tuyến đường với chiều dài 38,6 km) bằng nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa (có phụ biểu chi tiết kèm theo).

### **IV. KINH PHÍ ĐẦU TƯ**

#### **1. Kinh phí dự kiến đầu tư: 37,8 tỷ đồng, Trong đó:**

- Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng: 6,12 tỷ đồng



- Đầu tư xây dựng hệ thống đường công thoát nước chính: 31,68 tỷ đồng

## **2. Nguồn kinh phí**

- Từ ngân sách thành phố: 14,35 tỷ đồng.

- Từ các nguồn vốn hợp pháp khác: 23,45 tỷ đồng.

## **Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Quản lý đô thị**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan và UBND xã Văn Phú đề xuất cụ thể, chi tiết các giải pháp và lộ trình thực hiện Đề án; hướng dẫn UBND xã Văn Phú triển khai thực hiện các mục tiêu Đề án.

- Tham mưu cho UBND thành phố thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch theo phân cấp trình UBND thành phố phê duyệt; Thực hiện chức năng quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị; tham mưu đề xuất các chỉ tiêu kiến trúc xây dựng công trình để UBND thành phố xem xét, phê duyệt; Cấp giấy phép xây dựng cho các tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền; Kiểm tra, xử lý các vi phạm trong lĩnh vực quản lý đô thị.

Tham mưu UBND thành phố thực hiện các giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn chưa đạt phường thuộc lĩnh vực của phòng phụ trách.

### **2. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố.**

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, đơn vị tham mưu UBND thành phố thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án.

- Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, năm 2022, xã Văn Phú đạt các tiêu chuẩn của phường. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nâng cấp xã Văn Phú thành phường Văn Phú, thành phố Yên Bái.

### **3. Phòng Kinh tế**

- Tham mưu cho UBND thành phố các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế trên địa bàn xã; công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn; Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với UBND xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực công thương, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; về thực hiện các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, trồng rừng và khai thác lâm sản; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển ngành nghề, làng nghề ở xã.

- Tham mưu UBND thành phố thực hiện các giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn chưa đạt phường thuộc lĩnh vực của phòng phụ trách.

#### **4. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Tham mưu cho UBND thành phố bố trí nguồn kinh phí và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật, các quy định của cấp trên trong thực hiện các đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; chương trình, biện pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong phạm vi quản lý của phòng; Trình Chủ tịch UBND thành phố các chương trình, danh mục, dự án đầu tư trên địa bàn; thẩm định và chịu trách nhiệm về dự án, kế hoạch đầu tư trên địa bàn thuộc thẩm quyền; thẩm định và chịu trách nhiệm về kế hoạch đấu thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các dự án hoặc gói thầu thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND thành phố.

- Tham mưu UBND thành phố thực hiện các giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn chưa đạt phường thuộc lĩnh vực của phòng phụ trách.

#### **5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Tham mưu UBND thành phố xây dựng lộ trình và các giải pháp giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các xã, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ban Chỉ đạo giảm nghèo thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giảm nghèo trong năm.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị dạy nghề tổ chức tuyên truyền, định hướng cho người lao động tham gia các lớp đào tạo nghề nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

#### **6. Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố; Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thành phố**

Tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh thành phố và Đài truyền thanh cơ sở về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, thể thao và du lịch gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

#### **7. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố**

- Tham mưu cho UBND thành phố triển khai thực hiện kế hoạch, chính sách về hợp pháp hóa quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực đất đai.

- Tham mưu UBND thành phố thực hiện các giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn chưa đạt phường thuộc lĩnh vực của phòng phụ trách.

#### **8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố**

Tăng cường phối hợp với các tổ chức thành viên và các cơ quan đơn vị trong hệ thống chính trị thành phố tuyên truyền, vận động đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân hiểu, chấp hành tốt nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc góp phần thực hiện hiệu quả Đề án.

### **9. Ủy ban nhân dân xã Văn Phú**

- Tập trung rà soát các tiêu chuẩn của phường theo từng năm để phối hợp với các phòng, ban của thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ thành phố khóa XX đã đề ra.

- Triển khai các giải pháp tăng thu ngân sách, phân đầu tư cân đối được ngân sách; chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị, quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, quản lý đất đai và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

**10.** Các phòng, ban, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được giao tham mưu UBND thành phố các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền giải quyết. *th*

**TM. UBND THÀNH PHỐ  
Q. CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Trúc**

**Phụ lục 1**  
**Hiện trạng một số chỉ tiêu về kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng năm 2020**

STT	Nội dung	Năm 2020	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Dân số (người)</b>	<b>5.398,00</b>	
<b>2</b>	<b>Diện tích tự nhiên (km<sup>2</sup>)</b>	<b>13,73</b>	
<b>3</b>	<b>Thu, chi ngân sách</b>		
3.1	Thu ngân sách (tỷ đồng)	3,4	
3.2	Chi ngân sách (tỷ đồng)	4,6	
3.3	Cân đối thu - chi ngân sách (tỷ đồng)	(1,2)	Thiếu
<b>4</b>	<b>Lao động phi nông nghiệp</b>		
4.1	Lao động phi nông nghiệp (người)	1.698	
4.2	Tổng số lao động (người)	2.119	
4.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	80,1	
<b>5</b>	<b>Diện tích đất</b>		
5.1	Diện tích đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở (m <sup>2</sup> )	21.852,20	
5.2	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở (m <sup>2</sup> /người)	4,05	
5.3	Diện tích đất cây xanh công cộng (m <sup>2</sup> )	41.800,00	
5.4	Đất cây xanh sử dụng công cộng tính trên dân số (m <sup>2</sup> / người)	7,74	
5.5	Diện tích đất giao thông (m <sup>2</sup> )	743.300	
5.6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số (m <sup>2</sup> / người)	137,70	
<b>6</b>	<b>Tuyến đường phố chính</b>		
6.1	Chiều dài tuyến đường phố chính được chiếu sáng (m)	7.930	
6.2	Tổng chiều dài tuyến đường phố chính (m)	24.120	
6.3	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	32,88	
<b>7</b>	<b>Hệ thống cống thoát nước</b>		
7.1	Tổng chiều dài hệ thống cống thoát nước trên các tuyến đường chính (km)	9,57	
7.2	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km <sup>2</sup> )	0,70	

**Phụ lục 2**  
**Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2018-2020**

TT	Địa bàn	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm (2018,2019,2020)
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Xã Văn Phú	1.454	90	12,40	1.502	45	5,65	1.506	27	1,80	6,62
2	TP Yên Bái	29.775	802	2,69	31.059	504	1,62	31.229	278	0,89	1,73

**Phụ lục 3**  
**Hiện trạng đường chính trên địa bàn xã Văn Phú**

TT	Tên đường phố	Tổng chiều dài tuyến đường (m)	Chiều dài tuyến đường được chiếu sáng (m)	Chiều dài đường công đã được xây dựng 2 bên tuyến đường (m)	Ghi chú
1	Đường Âu cơ	2.500	2.500	5.000	
2	Đường tỉnh lộ 168	5.380	2.280,0	4.560	
3	Quốc lộ 2D	1.760	1.760		
4	Đường nối QL 37 với đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai	3.500			Dự kiến xây mới của tỉnh
5	Đường Trần Phú đi xã Tân Thịnh	500			
6	Đường Trần Xuân Lai nhánh 1	1.200	500		
7	Đường Trần Xuân Lai nhánh 2	1.550	500		
8	Đường Trần Xuân Lai nhánh 3	1.750			
9	Đường từ ngã ba ngân hàng đi chợ Văn Phú	640			
10	Đường thôn Văn Quý đi Phai Đổng	400			
11	Đường ông Khuyên đi Tân Thịnh	500			
12	Đường thôn Tuy Lộc đi Giồng Gày	500			
13	Đoạn nhánh Hoa Cau đến đường Âu Cơ	390	390		
14	Đường từ nhà ông Nghị đi cầu ông Thọ	750			
15	Tuyến đường ngang đi nghĩa trang Lò Nồi	440			
16	Đường từ nhà Quang Nga thôn Liên Phú cũ đi nhà Hải Thu thôn Tuy Lộc	700			
17	Đường từ nhà ông Phương đi nhà ông Bàn thôn Văn Quý	600			
18	Đường thôn Văn Phú đi Giồng Gày,	560			
19	Tuyến đường từ đền Tam thánh vào Đám Chiên dài	500			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24.120</b>	<b>7.930</b>	<b>9.560</b>	

**Phụ lục 4**  
**BẢNG DỰ KIẾN ĐẦU TƯ CÔNG THOÁT NƯỚC TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH**  
**TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VĂN PHÚ**

**Cống bê tông cốt thép có nắp đậy (B=1m)**

TT	Tên đường phố	Tổng chiều dài tuyến đường (m)	Chiều dài tuyến đường đã xây cống (m)	Chiều dài tuyến đường chưa xây cống (m)	Chiều dài cống chưa xây (2 bên tuyến đường) (m)	Đơn giá (nghìn đồng/m)	Thành tiền (nghìn đồng)	Ghi chú
1	Đường tỉnh lộ 168	5.380	2.280,0	3.100	6.200	1.000	6.200.000	
2	Quốc lộ 2D	1.760		1.760,0	3.520	1.000	3.520.000	
3	Đường nối QL 37 với đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai	3.500		3.500	7.000			Dự kiến xây mới của tỉnh
4	Đường Trần Phú đi xã Tân Thịnh	500		500	1.000	1.000	1.000.000	
5	Đường Trần Xuân Lai nhánh 1	1.200		1.200	2.400	1.000	2.400.000	
6	Đường Trần Xuân Lai nhánh 2	1.550		1.550	3.100	1.000	3.100.000	
7	Đường Trần Xuân Lai nhánh 3	1.750		1.750	3.500	1.000	3.500.000	
8	Đường từ ngã ba ngân hàng đi chợ Văn Phú	640		640	1.280	1.000	1.280.000	
9	Đường thôn Văn Quý đi Phai Đổng	400		400	800	1.000	800.000	
10	Đường ông Khuyến đi Tân Thịnh	500		500	1.000	1.000	1.000.000	
11	Đường thôn Tuy Lộc đi Giồng Gày	500		500	1.000	1.000	1.000.000	
12	Đoạn nhánh Hoa Cau đến đường Âu Cơ	390		390	780	1.000	780.000	
13	Đường từ nhà ông Nghị đi cầu ông Thọ	750		750	1.500	1.000	1.500.000	
14	Tuyến đường ngang đi nghĩa trang Lò Nồi	440		440	880	1.000	880.000	
15	Đường từ nhà Quang Nga thôn Liên Phú cũ đi nhà Hải Thu thôn Tuy Lộc	700		700	1.400	1.000	1.400.000	
16	Đường từ nhà ông Phương đi nhà ông Bàn thôn Văn Quý	600		600	1.200	1.000	1.200.000	
17	Đường thôn Văn Phú đi Giồng Gày,	560		560	1.120	1.000	1.120.000	
18	Tuyến đường từ đền Tam thánh vào Đám Chiên dài	500		500	1.000	1.000	1.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24.120</b>	<b>4.780</b>	<b>19.340</b>	<b>38.680</b>	<b>18.000</b>	<b>31.680.000</b>	

**Phụ lục 5**  
**BẢNG DỰ KIẾN ĐẦU TƯ ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH**  
**TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VĂN PHÚ**

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Tổng chiều dài tuyến đường được chiếu sáng (m)	Tổng chiều dài tuyến đường chưa được chiếu sáng (m)	Số lượng cột điện chiếu sáng	Đơn giá (nghìn đồng/cột)	Thành tiền (nghìn đồng)	Ghi chú
1	Đường tỉnh lộ 168	5.380	2.280,0	3.100	103	45.000	4.635.000	
2	Đường nối QL 37 với đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai	3.500		3.500			-	Dự kiến tình đầu tư
3	Đường Trần Phú đi xã Tân Thịnh	500		500	25	3.500	87.500	
4	Đường Trần Xuân Lai nhánh 1	1.200	500	700	35	3.500	122.500	
5	Đường Trần Xuân Lai nhánh 2	1.550	500	1.050	52	3.500	182.000	
6	Đường Trần Xuân Lai nhánh 3	1.750		1.750	87	3.500	304.500	
7	Đường từ ngã ba ngân hàng đi chợ Văn Phú	640		640	32	3.500	112.000	
8	Đường thôn Văn Quý đi Phai Đổng	400		400	20	3.500	70.000	
9	Đường ông Khuyến đi Tân Thịnh	500		500	25	3.500	87.500	
10	Đường thôn Tuy Lộc đi Giồng Gây	500		500	25	3.500	87.500	
11	Đường từ nhà ông Nghị đi cầu ông Thọ	750		750	37	3.500	129.500	
12	Tuyến đường ngang đi nghĩa trang Lò Nồi	440		440	22	3.500	77.000	
13	Đường từ nhà Quang Nga thôn Liên Phú cũ đi nhà Hải Thu thôn Tuy Lộc	700		700	35	3.500	122.500	
14	Đường từ nhà ông Phương đi nhà ông Bàn thôn Văn Quý	600		600	30	3.500	105.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>23.060</b>	<b>7.930</b>	<b>15.130</b>	<b>528</b>	<b>90.500</b>	<b>6.122.500</b>	

Ghi chú: Đối với đường tỉnh, thành phố quản lý: Bình quân 30 m bố trí 01 cột đèn điện chiếu sáng, dự kiến chi phí một cột khoảng 45 triệu đồng. Đối với đường liên thôn, liên xã bình quân 20m bố trí 01 cột đèn điện chiếu sáng, dự kiến chi phí một cột khoảng 3,5 triệu đồng





**Phụ lục 6**  
**CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2022**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

STT	Năm ngân sách	Xã Văn Phú			Ghi chú
		Thu cân đối	Chi cân đối	Thu - Chi	
1	Năm 2021	5,1	5,0	0,1	Dư
2	Năm 2022	5,5	5,5	0,0	Đủ

**Phụ lục 7**  
**DỰ BÁO TỶ LỆ HỘ NGHÈO ĐẾN NĂM 2022**



TT	Xã, phường	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021 (Dự ước)			Năm 2022 (Dự ước)		
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Xã Văn Phú	1.502	45	5,65	1.506	27	1,80	1.525	4	0,26	1.550	1	0,06
2	TP Yên Bái	31.059	504	1,62	31.229	278	0,89	31.519	219	0,69	31.817	178	0,56

**Phụ lục 8**  
**TỶ LỆ HỘ NGHÈO TRUNG BÌNH 3 NĂM**



TT	Xã, phường	2019	2020	2021	2022	Tỷ lệ TB 3 năm (2019,2020,2021)	Tỷ lệ TB 3 năm (2020,2021,2022)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Xã Văn Phú	5,65	1,80	0,26	0,06	2,57	0,71
2	TP Yên Bái	1,62	0,89	0,69	0,56	1,07	0,71